

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2116** /BTNMT-ĐDBĐVN

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định  
xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực  
đo đạc và bản đồ

Hà Nội, ngày **08** tháng **5** năm 2019

**D. TỈNH KHÁNH**

Kính gửi: ..... **H. B. N. D. Tỉnh Khánh Hòa** .....

**ƯỚP** Số: **2393**  
Ngày: **1.4.15**

Theo Chương trình công tác năm 2019 của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ. Trong thời gian qua, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các bộ, cơ quan có liên quan xây dựng các nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị định.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, đồng thời để bảo đảm tính khả thi của văn bản, Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu, góp ý đối với các nội dung của dự thảo Nghị định. Văn bản góp ý đề nghị gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam) **trước ngày 31 tháng 5 năm 2019** theo địa chỉ: Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, số 02 phố Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, đồng thời gửi file văn bản theo địa chỉ [thocntd@gmail.com](mailto:thocntd@gmail.com), điện thoại: 0913070785 để hoàn thiện trước khi trình Chính phủ xem xét, ký ban hành.

*(Dự thảo Nghị định nêu trên được gửi kèm Công văn)*

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan./.

**Nơi nhận:**

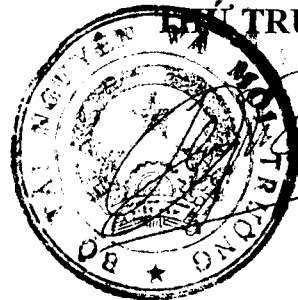
- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC, ĐDBĐVN.

*9/*

*[Handwritten mark]*

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**H. B. N. D. TỈNH KHÁNH HÒA**



**Nguyễn Thị Phương Hoa**



**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2019/NĐ-CP

DỰ THẢO

*Hà Nội, ngày tháng năm 2019*

## **NGHỊ ĐỊNH**

### **Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Chính phủ ban hành Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ.*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ.

2. Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước khác có liên quan để xử phạt.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ trên lãnh thổ Việt Nam; người có thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ theo quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này gồm:

a) Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chi nhánh;

- b) Đơn vị sự nghiệp;
- c) Nhà thầu nước ngoài.

### **Điều 3. Hình thức, mức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả**

#### 1. Hình thức xử phạt chính, mức xử phạt

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ là 50.000.000 đồng đối với cá nhân và 100.000.000 đồng đối với tổ chức.

#### 2. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ từ 03 đến 06 tháng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm;

c) Tịch thu chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ, giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

#### 3. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

b) Buộc tháo dỡ công trình hoặc phần công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc;

c) Buộc tháo dỡ trạm định vị vệ tinh khi chưa được phê duyệt theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

d) Buộc hủy bỏ số liệu, kết quả đo đạc và bản đồ do thực hiện hành vi vi phạm mà có;

đ) Buộc thu hồi dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ, xuất bản phẩm bản đồ;

e) Buộc cải chính thông tin, sửa chữa dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ, xuất bản phẩm bản đồ không chính xác, sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn;

g) Buộc thực hiện việc giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ đúng quy định;

h) Buộc nộp phí sử dụng thông tin, dữ liệu sản phẩm đo đạc và bản đồ sai mục đích;

i) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp;

k) Buộc bồi thường thiệt hại do thực hiện hành vi vi phạm.

#### **Điều 4. Áp dụng mức phạt tiền trong xử phạt hành chính**

1. Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này là mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cùng hành vi vi phạm hành chính của cá nhân.

2. Thẩm quyền phạt tiền của những người được quy định từ Điều 14 đến Điều 24 tại Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; đối với hành vi vi phạm của tổ chức, người có thẩm quyền được phạt tiền gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

### **Chương II**

#### **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

#### **Điều 5. Vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề;
- b) Hành nghề đo đạc và bản đồ không đúng với nội dung ghi trong chứng chỉ hành nghề.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Giả mạo nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;
- b) Hành nghề đo đạc và bản đồ độc lập mà không có chứng chỉ hành nghề;
- c) Hoạt động đo đạc và bản đồ khi không đảm bảo được các điều kiện theo quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Hoạt động đo đạc và bản đồ không đúng với nội dung của giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;
- b) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;
- c) Hoạt động đo đạc và bản đồ khi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ hết thời hạn.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Hành nghề đo đạc và bản đồ trong thời gian bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề;

b) Hoạt động đo đạc và bản đồ trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động đo đạc và bản đồ không có giấy phép theo quy định.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a khoản 1, điểm a khoản 4 Điều này; thông báo cho cơ quan cấp chứng chỉ để làm thủ tục thu hồi;

b) Tịch thu giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều này; thông báo cho cơ quan cấp giấy phép để làm thủ tục thu hồi;

c) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề từ 03 đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép từ 03 đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều này.

## **Điều 6. Vi phạm quy định trong xây dựng, sử dụng, bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc**

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã khi sử dụng mốc đo đạc.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Xây dựng, sửa chữa, cải tạo công trình kiến trúc không tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về xây dựng đối với hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc;

b) Tự ý di dời, phá dỡ mốc đo đạc khi chưa có sự chấp thuận của cơ quan quản lý mốc đo đạc đó.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi phá hủy, làm hư hỏng mốc đo đạc.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi đầu tư xây dựng và khai thác mạng lưới trạm định vị vệ tinh khi chưa được phê duyệt theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu hoặc bồi thường thiệt hại đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc tháo dỡ công trình hoặc phần công trình xây dựng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Buộc tháo dỡ trạm định vị vệ tinh đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

**Điều 7. Hành vi vi phạm quy định trong thực hiện đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không sử dụng, thể hiện không chính xác địa danh đã được chuẩn hoá trong hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ không có nguồn gốc rõ ràng trong lập, thực hiện đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ;

b) Không thực hiện kiểm định phương tiện đo trước khi đưa vào sử dụng hoặc sử dụng phương tiện đo không đạt chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định;

c) Thể hiện không chính xác đường địa giới hành chính trên thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ do mình làm ra.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Giả mạo, làm sai lệch số liệu, kết quả đo đạc và bản đồ trong quá trình thực hiện đo đạc và bản đồ;

b) Thể hiện không chính xác đường biên giới quốc gia, chủ quyền lãnh thổ trên thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ do mình làm ra.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này; thông báo cho cơ quan cấp giấy phép, chứng chỉ để làm thủ tục thu hồi;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy bỏ số liệu, kết quả đo đạc và bản đồ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều này;

b) Buộc cải chính, sửa chữa thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này.

### **Điều 8. Vi phạm quy định về kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện kiểm định phương tiện đo trước khi đưa vào sử dụng hoặc sử dụng phương tiện đo không đạt chỉ tiêu kỹ thuật để kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;

b) Thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ cấp chủ đầu tư khi nhà thầu, đơn vị thi công chưa thực hiện đầy đủ việc kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp đơn vị thi công theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ không đầy đủ nội dung, mức kiểm tra theo quy định;

b) Giả mạo, làm sai lệch số liệu, kết quả đo trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; thông báo cho cơ quan cấp giấy phép, chứng chỉ để làm thủ tục thu hồi;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ số liệu, kết quả đo đạc và bản đồ trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này.

### **Điều 9. Vi phạm quy định báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ**

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo cơ quan cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi có sự thay đổi người chịu trách nhiệm trước pháp luật hoặc người phụ trách kỹ thuật hoặc khi có sự thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

**Điều 10. Vi phạm quy định về giao nộp, cung cấp, khai thác, sử dụng và trao đổi thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng không đúng mục đích thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ như đã ghi trong phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ;

b) Trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ để lưu trữ theo quy định.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi phát tán, làm lộ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc danh mục bí mật nhà nước nhưng chưa tới mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp phí sử dụng thông tin, dữ liệu sản phẩm đo đạc và bản đồ sai mục đích đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc thực hiện việc giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Buộc thu hồi dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

**Điều 11. Vi phạm quy định về xuất bản, lưu hành sản phẩm đo đạc và bản đồ, xuất bản phẩm bản đồ**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xuất bản, lưu hành sản phẩm đo đạc và bản đồ, xuất bản phẩm bản đồ mà không thể hiện đúng địa giới hành chính.

2. Phạt tiền đối với hành vi xuất bản, lưu hành sản phẩm đo đạc và bản đồ, xuất bản phẩm bản đồ liên quan đến chủ quyền lãnh thổ quốc gia mà không thể hiện hoặc thể hiện không đúng chủ quyền, biên giới quốc gia theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 20 Nghị định số 159/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm

2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cải chính, sửa chữa sản phẩm do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc thu hồi sản phẩm do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

**Điều 12. Hành vi cản trở hoạt động đo đạc và bản đồ hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân**

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi cản trở tổ chức, cá nhân sử dụng mốc đo đạc khi thực hiện hoạt động đo đạc hợp pháp.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cản trở hoạt động đo đạc và bản đồ hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**Điều 13. Hành vi lợi dụng hoạt động đo đạc và bản đồ để xâm hại lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng hoạt động đo đạc và bản đồ để xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân nhưng chưa tới mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng hoạt động đo đạc và bản đồ để xâm hại lợi ích quốc gia, dân tộc nhưng chưa tới mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Tịch thu giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; thông báo cho cơ quan cấp giấy phép, chứng chỉ để làm thủ tục thu hồi.

### **Chương III**

**THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH, LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

**Điều 14. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và điểm e khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 3; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm có giá trị không vượt quá 25.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 3;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

### **Điều 15. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra chuyên ngành Tài nguyên và Môi trường**

1. Thanh tra viên chuyên ngành, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm có giá trị không vượt quá 500.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra có

quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc phạm vi, nội dung cuộc thanh tra trong thời hạn thanh tra:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 3; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm có giá trị không vượt quá 25.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 3; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm có giá trị không vượt quá 25.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc phạm vi, nội dung cuộc thanh tra trong thời hạn thanh tra:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 3; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm có giá trị không vượt quá 35.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 3;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

**Điều 16. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của lực lượng Công an nhân dân**

1. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Công an có thẩm quyền xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định này, trên địa bàn quản lý và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, cụ thể như sau:

2. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

3. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm có giá trị không vượt quá 2.500.000 đồng;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp huyện có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, đ và điểm e khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
- c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 3;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, đ và điểm e khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

### **Điều 17. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng**

1. Người có thẩm quyền xử phạt của Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 10, khoản 1, khoản 2 Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định này, trên địa bàn quản lý và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, cụ thể như sau:

2. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

3. Đội trưởng, Trạm trưởng Trạm kiểm soát biên phòng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

4. Đồn trưởng Đồn biên phòng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm đ, e khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 3;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm đ, e khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

### **Điều 18. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển**

1. Người có thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 10, khoản 1, khoản 2 Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định này, trên địa bàn quản lý và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, cụ thể như sau:

2. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

3. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

4. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm đ, e khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm đ, e khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

6. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm đ, e khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

7. Tư lệnh vùng Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 3;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm đ, e khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

8. Tư lệnh Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 3;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

#### **Điều 19. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Hải quan**

1. Người có thẩm quyền xử phạt của Hải quan có thẩm quyền xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 11 Nghị định

này, trên địa bàn quản lý và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, cụ thể như sau:

2. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

3. Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục kiểm tra sau thông quan có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

4. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Đội trưởng Đội thủ tục Hải quan, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm có giá trị không vượt quá 25.000.000 đồng;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm đ, e khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Cục trưởng Cục điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm đ, e khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

## **Điều 20. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường**

1. Người có thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 11

Nghị định này, trên địa bàn quản lý và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, cụ thể như sau:

2. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm có giá trị không vượt quá 25.000.000 đồng;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm đ, e khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Chi Cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công thương, Trưởng phòng chống buôn lậu, Trưởng phòng chống hàng giả, Trưởng phòng kiểm soát chất lượng hàng hóa thuộc Cục Quản lý thị trường có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm có giá trị không vượt quá 35.000.000 đồng;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm đ, e khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm đ, e khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

### **Điều 21. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh vụ hàng hải, Cảnh vụ hàng không, Cảnh vụ đường thủy nội địa**

1. Người có thẩm quyền xử phạt của Cảnh vụ hàng hải, Cảnh vụ hàng không, Cảnh vụ đường thủy nội địa có thẩm quyền xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 11 Nghị định này, trên địa bàn quản lý và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, cụ thể như sau:

2. Trưởng đại diện Cảng vụ hàng hải, Trưởng đại diện Cảng vụ hàng không, Trưởng đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng.

3. Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Giám đốc Cảng vụ hàng không, Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm có giá trị không vượt quá 25.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm đ, e khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

**Điều 22. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải, xây dựng, công thương, nông nghiệp và phát triển nông thôn, khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông, giáo dục và đào tạo**

1. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan thanh tra chuyên ngành có thẩm quyền xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định thuộc Chương II Nghị định này, thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý.

2. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải, xây dựng, công thương, nông nghiệp và phát triển nông thôn, khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông, giáo dục và đào tạo đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra các Sở Giao thông vận tải, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc phạm vi, nội dung cuộc thanh tra trong thời hạn thanh tra:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 3; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm có giá trị không vượt quá 25.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 3; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm có giá trị không vượt quá 25.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Bộ trưởng và Chánh Thanh tra các Bộ Giao thông vận tải, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc phạm vi, nội dung cuộc thanh tra trong thời hạn thanh tra:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 3; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm có giá trị không vượt quá 35.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

6. Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 3;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

### **Điều 23. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính**

1. Người có thẩm quyền lập biên bản gồm:

a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ;

b) Công chức, viên chức, Công an nhân dân, Quân đội nhân dân trong các cơ quan quy định từ Điều 14 đến Điều 22 của Nghị định này đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo chức năng nhiệm vụ được giao thanh tra, kiểm tra;

c) Chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu và những người được chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu giao nhiệm vụ lập biên bản.

2. Người có thẩm quyền lập biên bản quy định tại khoản 1 Điều này có quyền lập biên bản hành chính về những vi phạm hành chính thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao theo mẫu quy định tại Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính và chịu trách nhiệm về việc lập biên bản.

3. Mỗi hành vi vi phạm hành chính chỉ lập biên bản vi phạm hành chính một lần. Trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính trong cùng một vụ vi phạm hoặc vi phạm nhiều lần thì biên bản vi phạm hành chính phải thể hiện đầy đủ các hành vi vi phạm hoặc số lần vi phạm.

4. Sau khi lập biên bản vi phạm hành chính, người lập biên bản có trách nhiệm chuyển ngay cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để tiến hành xử lý theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 24. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

2. Từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ tại Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ và Nghị định số 84/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử

phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ hết hiệu lực.

## **Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Những hành vi vi phạm xảy ra trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa bị xử phạt mà đang được xem xét, giải quyết hoặc sau khi Nghị định này có hiệu lực thi hành mới bị phát hiện thì áp dụng theo quy định tại Nghị định số 173/2013/NĐ-CP và Nghị định số 84/2017/NĐ-CP để xử phạt. Trường hợp các quy định về xử phạt tại Nghị định này có lợi cho tổ chức, cá nhân thì áp dụng quy định tại Nghị định này để xử phạt.

2. Hành vi vi phạm đã có quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành nhưng chưa chấp hành hoặc chấp hành chưa xong thì thi hành theo quyết định xử phạt trước đó.

## **Điều 26. Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành**

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTXH (2).

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**